

Số: 311 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 06 tháng 02 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức các xã, thị trấn vùng Tây Nguyên thuộc 02 huyện Bù Gia Mập và huyện Bù Đăng giai đoạn 2015 - 2020**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND-UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây nguyên giai đoạn 2014 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 1746/KH-BNV ngày 26/5/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 06/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây nguyên giai đoạn 2014 - 2020 về nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Công văn số 5490/BNV-ĐT ngày 22/12/2014 của Bộ Nội vụ về ý kiến đối với Kế hoạch thực hiện Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 92/TTr-SNV ngày 19/01/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức các xã, thị trấn vùng Tây Nguyên thuộc 02 huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng giai đoạn 2015 - 2020.

**Điều 2.** Giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh, UBND huyện Bù Gia Mập và UBND huyện Bù Đăng triển khai Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng này.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND huyện Bù Gia Mập và Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

(Quyết định này thay thế Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT;
- Sở Nội vụ (02 bản);
- Sở Tài chính, Sở KH&ĐT;
- UBND các huyện: BGM, BĐ;
- LĐVP;
- Lưu: VT, P.NC-NgV (T-QĐ11-21/1).

TK

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Trâm*

## KẾ HOẠCH

**Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức các xã, thị trấn  
vùng Tây Nguyên thuộc 02 huyện Bù Gia Mập  
và huyện Bù Đăng giai đoạn 2015 – 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 311 /QĐ-UBND ngày 06/02 /2015 của UBND tỉnh)*

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 06/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây nguyên giai đoạn 2014 - 2020; Kế hoạch số 1746/KH-BNV ngày 26/5/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 06/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây Nguyên giai đoạn 2014 - 2020 về nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Để nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở vùng giáp Tây nguyên giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn hai huyện Bù Gia Mập và Bù Đăng,

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức các xã, thị trấn vùng Tây Nguyên thuộc 02 huyện Bù Gia Mập và huyện Bù Đăng giai đoạn 2015 - 2020 như sau:

### **I. Đặc điểm tình hình**

Bình Phước là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có đường biên giới giáp với Vương quốc Campuchia dài 260,4 km và có 02 tuyến đường Quốc lộ 13, 14 đi qua nối liền với các tỉnh. Tỉnh là cửa ngõ, cầu nối của vùng Đông Nam bộ với Tây Nguyên và Campuchia. Cụ thể, phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đồng Nai; phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và Campuchia; phía Nam giáp tỉnh Bình Dương; phía Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk và Campuchia.

Tỉnh có diện tích 687.246,53 ha, gồm 7 nhóm đất chính với 13 loại đất, trong đó diện tích đất lâm nghiệp chiếm 51,3% tổng diện tích đất toàn tỉnh. Dân số 924.461 người (theo số liệu thống kê năm 2013), Trong đó, có gần 20% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số với 41 thành phần dân tộc anh em cùng chung sống. Về đơn vị hành chính tỉnh có 03 thị xã, 07 huyện với 111 đơn vị hành chính cấp xã (92 xã, 14 phường, 05 thị trấn), tỉnh được công nhận là tỉnh miền núi với 04 huyện (Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập và Bù Đăng) là huyện miền núi, 64 xã miền núi, 15 xã biên giới.

Các huyện Bù Gia Mập và Bù Đăng là huyện miền núi, biên giới của tỉnh tiếp giáp vùng Tây Nguyên, có 323.730,94 ha diện tích tự nhiên, 301.324 nhân khẩu, dân số là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ trên 30% tổng dân số toàn vùng; có 34 đơn vị hành chính cấp xã (trong đó có 02 xã biên giới với tổng diện tích các xã biên giới là 59.223,02 ha, dân số 22.696 nhân khẩu). Đa số các xã, thị trấn trên địa bàn 2 huyện có

diện tích rộng (như xã Bù Gia Mập huyện Bù Gia Mập có diện tích 34.898,02 ha, xã Đăk Ô huyện Bù Gia Mập có diện tích 24.394 ha, xã Đăng Hà huyện Bù Đăng có diện tích 16.709 ha); về dân số bình quân trên địa bàn mỗi xã có từ 8.000 đến 10.000 người. Đặc điểm địa hình ở 2 huyện là miền đồi, núi thấp, dân cư sống rải rác, không tập trung, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phức tạp, cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ, trình độ dân trí thấp, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Lực lượng cán bộ cơ sở chủ yếu là người địa phương có tinh thần nhiệt tình trong công tác, gần bó với nhân dân, song do trình độ quản lý một số cán bộ chưa đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới nên trong lãnh đạo, điều hành gặp nhiều khó khăn. Để phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng ... chính quyền cơ sở có vai trò quan trọng, là những người trực tiếp điều hành các hoạt động tại địa phương. Vì vậy, việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ cơ sở là rất cần thiết.

## **II. Thực trạng trình độ đội ngũ cán bộ, công chức**

### **1. Tổng số cán bộ, công chức cấp xã ở 02 huyện: 769 người.**

Trong đó:

- Cán bộ chuyên trách 372 người, công chức 397 người;
- Giới tính: Nam 546 người chiếm tỷ lệ 71%, nữ 223 người chiếm tỷ lệ 29%;
- Số cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số: 88 người chiếm tỷ lệ 11,44%.

#### **a) Về trình độ văn hoá**

- Tiểu học : 10 người chiếm tỷ lệ 01,30%;
- Trung học cơ sở : 72 người chiếm tỷ lệ 09,36%;
- Trung học phổ thông: 687 người chiếm tỷ lệ 89,34%.

#### **b) Về trình độ chuyên môn**

- Chưa qua đào tạo: 122 người chiếm tỷ lệ 15,86% (trong đó cán bộ chuyên trách 104/372 người chiếm tỷ lệ 27,95%; công chức cấp xã và 18/397 người chiếm tỷ lệ 04,53%).

- Trình độ Sơ cấp: 29 người chiếm tỷ lệ 3,77% (trong đó cán bộ chuyên trách 20/372 người chiếm tỷ lệ 5,37%; công chức cấp xã 09/397 người, chiếm tỷ lệ 2,26%).

- Trình độ Trung cấp: 427 người chiếm tỷ lệ 55,52% (trong đó cán bộ chuyên trách 158/372 người chiếm tỷ lệ 42,47%; công chức cấp xã 269/397 người chiếm tỷ lệ 67,75%).

- Trình độ Đại học: 191 người chiếm tỷ lệ 24,83% (trong đó cán bộ chuyên trách 38/372 người chiếm tỷ lệ 10,21%, công chức 34/397 người chiếm tỷ lệ 8,56%).

#### **c) Trình độ lý luận chính trị:**

- Chưa qua đào tạo: 335 người chiếm tỷ lệ 43,56% (trong đó cán bộ chuyên trách 66/372 người chiếm tỷ lệ 8,58%; công chức cấp xã 269 người chiếm tỷ lệ 34,98%).

- Trình độ Sơ cấp: 122 người chiếm tỷ lệ 22,6% (trong đó cán bộ chuyên trách có 75 người chiếm tỷ lệ 17,74%; công chức cấp xã 47/397 người chiếm tỷ lệ 11,83%).

- Trình độ Trung cấp: 289 người chiếm tỷ lệ 37,58% (trong đó cán bộ chuyên trách 210/372 người chiếm tỷ lệ 56,45%, công chức cấp xã 79/397 người chiếm tỷ lệ 19,89%).

- Trình độ Cao cấp: 23 người (trong đó cán bộ chuyên trách 21/372 người chiếm tỷ lệ 5,64%, công chức cấp xã 02/397 người chiếm tỷ lệ 0,50%).

d) Trình độ quản lý hành chính nhà nước:

- Chưa qua đào tạo: 709 người chiếm tỷ lệ 92,19%.

- Trình độ Sơ cấp: 25 người chiếm tỷ lệ 3,25% (trong đó cán bộ chuyên trách 19/372 người chiếm tỷ lệ 02,47%; công chức cấp xã 06 người, chiếm tỷ lệ 0,78%).

- Trình độ Trung cấp: 35 người chiếm tỷ lệ 04,65% (trong đó cán bộ chuyên trách 29 người chiếm tỷ lệ 5,10 %; công chức 6/397 người chiếm tỷ lệ 01,51%).

đ) Trình độ tin học:

Có 316 cán bộ, công chức có trình độ tin học chiếm tỷ lệ 41,09%, trong đó: chứng chỉ A là 222 người chiếm tỷ lệ 28,86%; chứng chỉ B là 89 người chiếm tỷ lệ 11,57%; chứng chỉ C là 05 người chiếm tỷ lệ 0,65%.

**2. Tổng số các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở xã, thị trấn ở thôn, ấp, khu phố thuộc 34 xã, thị trấn: 4.018 người.**

Trong đó:

a) Tổng số các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở xã, thị trấn (gồm 19 chức danh) là 730 người, cụ thể:

- Văn hoá: Tiểu học 17 người chiếm tỷ lệ 2,32 %; Trung học cơ sở 190 người chiếm tỷ lệ 26,02%, Trung học phổ thông 523 người chiếm tỷ lệ 71,64%.

- Chuyên môn nghiệp vụ: Sơ cấp 36 người chiếm tỷ lệ 4,39%, Trung cấp 232 người chiếm tỷ lệ 31,78%, Đại học 28 người chiếm tỷ lệ 3,83%, chưa qua đào tạo 430 người chiếm tỷ lệ 58,90%.

- Lý luận chính trị: Sơ cấp 69 người chiếm tỷ lệ 9,45%, trung cấp 61 người, chiếm tỷ lệ 8,35%, chưa qua đào tạo 596 người chiếm tỷ lệ 81,64%.

b) Tổng số các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố (gồm các chức danh Bí thư Chi bộ, Trưởng, Phó thôn, ấp, khu phố; Công An viên thôn, ấp, khu phố và Thôn Đội trưởng thôn, ấp, khu phố) là 1.343 người; các chức danh cán bộ Mặt trận và các đoàn thể ở thôn, ấp, khu phố là 1.945 người. Đội ngũ cán bộ không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố là những người có tinh thần nhiệt tình, có uy tín ở địa phương, song đa số chưa được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, quản lý nhà nước, lý luận chính trị) nên trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ ở địa phương, nhất là trực tiếp tiếp xúc với dân gặp nhiều khó khăn.

Hiện nay, nước ta đang xây dựng một nền hành chính hiện đại với yêu cầu chuyên môn hoá ngày càng cao, trong khi đó rất nhiều cán bộ, công chức đảm nhiệm công việc chưa được đào tạo chuyên môn, thậm chí có cán bộ, công chức

mới chỉ học hết bậc tiểu học. Vì vậy, cần thống nhất về nhận thức tư tưởng, xác định công tác tiếp tục xây dựng, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở nhất là ở hai huyện giáp Tây nguyên là trách nhiệm của các cấp, các ngành là một trong những nội dung quan trọng, có tính quyết định đảm bảo đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, chính trị khu vực biên giới, khu vực các huyện phía Bắc của tỉnh.

### **III. Mục tiêu và nội dung đào tạo, bồi dưỡng**

#### **1. Mục tiêu**

a) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức các xã, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách của 02 huyện là Bù Gia Mập và huyện Bù Đăng thuộc vùng Tây Nguyên để nâng cao năng lực quản lý, điều hành, thực thi nhiệm vụ cho giai đoạn 2015-2020.

b) Ngoài nội dung đào tạo thường xuyên theo Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức và Quyết định số 1374/QĐ-TTg ngày 12/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2011-2015, Kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức các xã vùng Tây nguyên theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ đến năm 2020 phải đạt những mục tiêu sau:

- Về học vấn: phấn đấu 100% cán bộ, công chức cấp xã tốt nghiệp trung học phổ thông;

- Về chuyên môn, nghiệp vụ: 100% cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, trong đó 85% cán bộ chuyên trách và 100% công chức cấp xã có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên phù hợp với chức danh đảm nhiệm;

- Về lý luận chính trị: 100% cán bộ chuyên trách cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng đạt trình độ Sơ cấp trở lên, trong đó 85% cán bộ chuyên trách cấp xã có trình độ Trung cấp trở lên. Trên 60% công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng đạt trình độ Sơ cấp trở lên;

- Về kiến thức quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế, quốc phòng, an ninh: 100% cán bộ chủ chốt được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính Nhà nước; 80% cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quốc phòng, an ninh phù hợp với chức danh hiện đảm nhiệm;

- Về tin học văn phòng: 100% công chức cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tin học văn phòng.

#### **2. Nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng**

- Việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phải đảm đúng chuyên ngành, phù hợp vị trí việc làm đang công tác;

- Về lý luận chính trị: Đào tạo trung cấp đối với cán bộ và sơ cấp đối với công chức chuyên môn;

- Về tiếng dân tộc: Chủ yếu cho cán bộ, công chức người kinh chưa biết tiếng dân tộc, đang công tác tại vùng có đông đồng bào dân tộc;

- Về trình độ học vấn THPT: Ưu tiên đối với cán bộ, công chức trẻ người dân tộc thiểu số ở những xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, xã biên giới;

- Bồi dưỡng kiến thức hành chính, quốc phòng, an ninh: Áp dụng đối với những người hoạt động không chuyên trách.

### **3. Số lượng đào tạo, bồi dưỡng**

#### **a) Đào tạo**

- Trình độ học vấn

$$34 \text{ xã, thị trấn} \times 02 \text{ người/xã} = 68 \text{ lượt người}$$

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ

$$34 \text{ xã, thị trấn} \times 04 \text{ người/xã} = 136 \text{ lượt người}$$

- Trình độ lý luận chính trị,

$$34 \text{ xã, thị trấn} \times 05 \text{ người/xã} = 170 \text{ lượt người}$$

- Tiếng dân tộc thiểu số:

$$34 \text{ xã, thị trấn} \times 03 \text{ người/xã} = 102 \text{ lượt người}$$

#### **b) Bồi dưỡng (dự kiến mỗi định xuất bồi dưỡng là 3.000.000đồng)**

Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; quốc phòng, an ninh và tin học văn phòng

$$34 \text{ xã, thị trấn} \times 13 \text{ người/xã} = 442 \text{ lượt người}$$

### **IV. Kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức các xã, thị trấn vùng Tây Nguyên của huyện Bù Gia Mập và huyện Bù Đăng giai đoạn 2015-2020 là: **15.108.920.000đồng**. Trong đó: Ngân sách Trung ương thực hiện hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương khoảng 70% nhu cầu đối với nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở là **10.072.613.000đ**; còn lại 30% ngân sách địa phương từ nguồn chi sự nghiệp đào tạo của tỉnh là **5.036.307.000đ**.

#### **1. Đào tạo, bồi dưỡng tốt nghiệp học vấn THPT: 3.401.520.000đ**

- Học phí:  $1.080.000đ/\text{người/năm} \times 03 \text{ năm} \times 68 \text{ người} = 220.320.000đ$

- Tài liệu:  $500.000đ/\text{người/năm} \times 03 \text{ năm} \times 68 \text{ người} = 102.000.000đ$

- Hỗ trợ tiền ăn:  $50.000đ/\text{ngày} \times 22 \text{ ngày/tháng} \times 09 \text{ tháng/năm} \times 03 \text{ năm} \times 68 \text{ người} = 2.019.600.000đ$

- Hỗ trợ tiền ngủ:  $500.000đ/\text{người/tháng} \times 09 \text{ tháng/năm} \times 03 \text{ năm} \times 68 \text{ người} = 918.000.000đ$

- Hỗ trợ đi lại:  $04 \text{ lần/người/năm} \times 100.000đ/\text{người/lần} \times 03 \text{ năm} \times 68 \text{ người} = 81.600.000đ$

- Thuê hội trường, văn phòng phẩm:  $20.000.000đ/\text{năm} \times 03 \text{ năm} = 60.000.000đ$

#### **2. Đào tạo Trung cấp chuyên môn nghiệp vụ: 4.582.400.000đ**

- Học phí:  $6.000.000\text{đ}/\text{người}/\text{năm} \times 02 \text{ năm} \times 136 \text{ người} = 1.632.000.000\text{đ}$
- Tài liệu:  $500.000\text{đ}/\text{người}/\text{năm} \times 02 \text{ năm} \times 136 \text{ người} = 136.000.000\text{đ}$
- Hỗ trợ tiền ăn:  $50.000\text{đ}/\text{ngày} \times 22 \text{ ngày}/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng}/\text{năm} \times 02 \text{ năm} \times 136 \text{ người} = 1.795.200.000\text{đ}$
- Hỗ trợ tiền ngủ:  $500.000\text{đ}/\text{người}/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng}/\text{năm} \times 02 \text{ năm} \times 136 \text{ người} = 816.000.000\text{đ}$
- Hỗ trợ đi lại:  $01 \text{ lần}/\text{tháng} \times 100.000\text{đ}/\text{người}/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng}/\text{năm} \times 02 \text{ năm} \times 136 \text{ người} = 163.200.000\text{đ}$
- Thuê hội trường, văn phòng phẩm:  $20.000.000\text{đ}/\text{năm} \times 02 \text{ năm} = 40.000.000\text{đ}$

**3. Đào tạo lý luận chính trị: 4.051.600.000đ**

**a) Trung cấp lý luận chính trị (cán bộ chuyên trách): 3.650.800.000đ**

- Học phí:  $7.000.000\text{đ}/\text{người}/\text{năm} \times 02 \text{ năm} \times 102 \text{ người} = 1.428.000.000\text{đ}$
- Tài liệu:  $500.000\text{đ}/\text{người}/\text{năm} \times 02 \text{ năm} \times 102 \text{ người} = 102.000.000\text{đ}$
- Hỗ trợ tiền ăn:  $50.000\text{đ}/\text{ngày} \times 22 \text{ ngày}/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng}/\text{năm} \times 02 \text{ năm} \times 102 \text{ người} = 1.346.400.000\text{đ}$
- Hỗ trợ tiền ngủ:  $500.000\text{đ}/\text{người}/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng}/\text{năm} \times 02 \text{ năm} \times 102 \text{ người} = 612.000.000\text{đ}$
- Hỗ trợ đi lại:  $01 \text{ lần}/\text{tháng} \times 100.000\text{đ}/\text{người}/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng}/\text{năm} \times 02 \text{ năm} \times 102 \text{ người} = 122.400.000\text{đ}$
- Thuê hội trường, văn phòng phẩm:  $20.000.000\text{đ}/\text{năm} \times 02 \text{ năm} = 40.000.000\text{đ}$

**b) Sơ cấp lý luận chính trị (công chức): 400.800.000đ**

- Học phí:  $3.000.000\text{đ}/\text{người}/\text{khóa} \times 68 \text{ người} = 204.000.000\text{đ}$
- Tài liệu:  $500.000\text{đ}/\text{người}/\text{khóa} \times 68 \text{ người} = 34.000.000\text{đ}$
- Hỗ trợ tiền ăn:  $50.000\text{đ}/\text{ngày} \times 30 \text{ ngày} \times 68 \text{ người} = 102.000.000\text{đ}$
- Hỗ trợ tiền ngủ:  $500.000\text{đ}/\text{người} \times 68 \text{ người} = 34.000.000\text{đ}$
- Hỗ trợ đi lại:  $01 \text{ lần} \times 100.000\text{đ}/\text{người} \times 68 \text{ người} = 6.800.000\text{đ}$
- Thuê hội trường, văn phòng phẩm:  $20.000.000\text{đ}/\text{khóa}$

**4. Đào tạo tiếng dân tộc: 1.723.400.000đ**

- Học phí:  $6.000.000\text{đ}/\text{người} \times 102 \text{ người} = 612.000.000\text{đ}$
- Tài liệu:  $500.000\text{đ}/\text{người}/\text{khóa} \times 102 \text{ người} = 51.000.000\text{đ}$
- Hỗ trợ tiền ăn:  $50.000\text{đ}/\text{ngày} \times 22 \text{ ngày}/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} \times 102 \text{ người} = 673.200.000\text{đ}$
- Hỗ trợ tiền ngủ:  $500.000\text{đ}/\text{người}/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} \times 102 \text{ người} = 306.000.000\text{đ}$
- Hỗ trợ đi lại:  $01 \text{ lần}/\text{tháng} \times 100.000\text{đ}/\text{người}/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} \times 102 \text{ người} = 61.200.000\text{đ}$
- Thuê hội trường, văn phòng phẩm:  $20.000.000\text{đ}/\text{khóa}$



**5. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước, quốc phòng - an ninh, tin học văn phòng:** 1.350.000.000đồng

15 ngày/lớp x 45 người/lớp x 3.000.000đ/người/lớp x 10 lớp = 1.350.000.000đ

#### **V. Thời gian thực hiện**

**1. Năm 2015:** Tổng kinh phí thực hiện là: 3.695.040.000đ

Tổ chức 01 lớp đào tạo trình độ học vấn THPT cho 68 cán bộ, công chức chưa đạt chuẩn, 01 lớp đào tạo Trung cấp chuyên môn nghiệp vụ và tổ chức 02 lớp bồi dưỡng kiến thức kỹ năng quản lý nhà nước.

**2. Năm 2016:** Tổng kinh phí thực hiện là: 5.008.540.000đ

- Các lớp chuyển từ năm 2015 sang gồm 01 lớp đào tạo trình độ học vấn THPT (năm thứ hai) và 01 lớp đào tạo Trung cấp chuyên môn nghiệp vụ (năm cuối);

- Tổ chức 01 lớp đào tạo Trung cấp lý luận chính trị cho 51 cán bộ; 01 lớp đào tạo sơ cấp lý luận chính trị cho 68 công chức và tổ chức 02 lớp bồi dưỡng kiến thức kỹ năng quản lý nhà nước.

**3. Năm 2017:** Tổng kinh phí thực hiện là: 3.229.240.000đ

- Các lớp chuyển từ năm 2016 sang gồm 01 lớp đào tạo trình độ học vấn THPT (năm cuối) và 01 lớp đào tạo Trung cấp lý luận chính trị (năm cuối);

- Tổ chức 01 lớp đào tạo Trung cấp lý luận chính trị cho 51 cán bộ, công chức và tổ chức 02 lớp bồi dưỡng tin học văn phòng.

**4. Năm 2018:** Tổng kinh phí thực hiện là: 2.044.400.000đ

- Chuyển lớp đào tạo Trung cấp lý luận chính trị năm 2017 sang (năm cuối);

- Tổ chức 01 lớp đào tạo tiếng dân tộc cho 51 cán bộ, công chức và tổ chức 02 lớp bồi dưỡng kiến quốc phòng, an ninh.

**5. Năm 2019:** Tổng kinh phí thực hiện là: 1.131.700.000đ

Tổ chức 01 lớp đào tạo tiếng dân tộc cho 51 cán bộ, công chức và tổ chức 02 lớp bồi dưỡng tin học văn phòng.

#### **VI. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

##### **1. Sở Nội vụ**

- Căn cứ Kế hoạch giai đoạn 2015-2020 phê duyệt, hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai mở các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và các bồi dưỡng quản lý nhà nước, quốc phòng, an ninh và tin học văn phòng;

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết giai đoạn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

##### **2. Sở Tài chính**

- Cân đối nguồn ngân sách tỉnh, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ hàng năm theo Kế hoạch này;

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức các xã, thị trấn vùng Tây Nguyên .

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, bố trí nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo quy định.

### **4. Trường Chính trị tỉnh và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng**

Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức theo Kế hoạch chi tiết hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **5. Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập và huyện Bù Đăng**

- Căn cứ Kế hoạch này, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng Kế hoạch chi tiết về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã hàng năm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp;

- Chỉ đạo Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện đào tạo số cán bộ, công chức chưa chuẩn hóa trình độ học vấn trung học cơ sở, trung học phổ thông;

- Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, quốc phòng, an ninh và tin học văn phòng./.

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Trâm*